



liáo tiān

聊天

Verb · to chat

Example Sentences

wǒ xǐ huān hé péng yǒu liáo tiān

我 喜 欢 和 朋 友 聊 天。

I like chatting with friends.

wǒ men jīng cháng zài gōng yuán lǐ liáo tiān

我 们 经 常 在 公 园 里 聊 天。

We often chat in the park.

wǒ men jīng cháng zài wǎn fàn hòu liáo tiān

我 们 经 常 在 晚 饭 后 聊 天。

We often chat after dinner.

Trace each character, then write the word on your own.

聊	聊	聊	聊	聊	聊	聊	聊	聊	聊	聊
聊	聊	聊								

天	天	天	天	天	天	天				
